

Số: **38** /2020/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **29** tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ
đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Tứ Kỳ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của
Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11
năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC
ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số
177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ
Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Tứ Kỳ như sau:

1. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại các chợ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Chợ Yên thị trấn Tứ Kỳ, chợ Mũ xã Hưng Đạo, chợ Nẹo xã Hưng Đạo, chợ Quý Cao xã Nguyên Giáp, chợ Mãng xã Văn Tố, chợ

Quang Phục xã Quang Phục, chợ Rùa xã Hà Kỳ, chợ Chùa xã Tân Kỳ, chợ Nhũ xã Quang Khải, chợ Cầu Xe xã Cộng Lạc, chợ An Thanh xã An Thanh, chợ Mạc xã Quảng Nghiệp, chợ Đoàn xã Đại Sơn, chợ Gạch xã Hà Thanh, chợ Cờ xã Ngọc Kỳ, chợ Hóp xã Đại Hợp, chợ Trám xã Phượng Kỳ (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ quy định tại khoản 1 điều này chỉ tính trên diện tích được cho thuê theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã bao gồm thuế VAT, chưa bao gồm các khoản chi phí khác do các hộ sử dụng riêng như: Trông giữ phương tiện, điện, nước, vệ sinh môi trường và các khoản dịch vụ khác các hộ phải trả theo thực tế sử dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2020.

Các quy định khác về giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thực hiện theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tứ Kỳ; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trường Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Thư (40 bản)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

Phụ lục

Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn huyện Tứ Kỳ

(Kèm theo Quyết định số **38** /2020/QĐ-UBND ngày **29** tháng **5** năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Chợ Yên thị trấn Tứ Kỳ	Chợ Mũ xã Hưng Đạo	Chợ Nөг xã Hưng Đạo	Chợ Quý Cao xã Nguyên Giáp
1	Khu vực ki ốt					
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng	15.000	15.000	25.000	35.000
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng	12.000		20.000	30.000
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng	10.000			25.000
2	Khu vực có mái che					
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng	5.000	5.000	7.000	10.000
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng	4.000	4.000	5.000	8.000
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng		3.000	4.000	5.000
3	Khu vực không có mái che					
a	Các hộ kinh doanh cố định	đồng/m2/tháng				3.000
b	Các hộ kinh doanh không cố định					
	- Hàng có giá trị dưới 100.000đồng	đồng/ lượt		2.000	2.000	2.000
	- Hàng có giá trị từ 100.000đồng đến dưới 300.000đồng	đồng/ lượt		3.000	3.000	3.000
	- Hàng có giá trị từ 300.000đồng đến dưới 500.000đồng	đồng/ lượt		4.000	4.000	4.000
	- Hàng có giá trị trên 500.000đồng	đồng/ lượt		5.000	5.000	5.000

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Chợ Mãng xã Văn Tố	Chợ Quang Phục xã Quang Phục	Chợ Rùa xã Hà Kỳ	Chợ Chùa xã Tân Kỳ
1	Khu vực ki ốt					
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng				
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng				
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng				
2	Khu vực có mái che					
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng	7.000	10.000	5.000	7.000
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng	5.000	7.000	5.000	5.000
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng			4.000	4.000
3	Khu vực không có mái che					
a	Các hộ kinh doanh cố định	đồng/m2/tháng	3.000		3.000	
b	Các hộ kinh doanh không cố định					
	- Hàng có giá trị dưới 100.000đồng	đồng/ lượt	2.000	2.000	2.000	2.000
	- Hàng có giá trị từ 100.000đồng đến dưới 300.000đồng	đồng/ lượt	3.000	3.000	3.000	3.000
	- Hàng có giá trị từ 300.000đồng đến dưới 500.000đồng	đồng/ lượt	4.000	4.000	4.000	4.000
	- Hàng có giá trị trên 500.000đồng	đồng/ lượt	5.000	5.000	5.000	5.000



TT	Danh mục	Đơn vị tính	Chợ Nhũ xã Quang Khai	Chợ Cầu Xe xã Cộng Lạc	Chợ An Thanh xã An Thanh	Chợ Mạc xã Quảng Nghiệp
1	Khu vực ki ốt					
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng				
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng				
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng				
2	Khu vực có mái che					
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng	3.000	7.000	5.000	5.000
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng	2.500	5.000	3.000	3.000
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng	2.000	4.000		
3	Khu vực không có mái che					
a	Các hộ kinh doanh cố định	đồng/m2/tháng	2.000	3.000		
b	Các hộ kinh doanh không cố định					
	- Hàng có giá trị dưới 100.000đồng	đồng/ lượt	2.000	2.000	2.000	2.000
	- Hàng có giá trị từ 100.000đồng đến dưới 300.000đồng	đồng/ lượt	3.000	3.000	3.000	3.000
	- Hàng có giá trị từ 300.000đồng đến dưới 500.000đồng	đồng/ lượt	4.000	4.000	4.000	4.000
	- Hàng có giá trị trên 500.000đồng	đồng/ lượt	5.000	5.000	5.000	5.000

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Chợ Đoàn xã Đại Sơn	Chợ Gạch xã Hà Thanh	Chợ Cờ xã Ngọc Kỳ	Chợ Hóp xã Đại Hợp	Chợ Trám xã Phượng Kỳ
1	Khu vực ki ốt						
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng					
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng					
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng					
2	Khu vực có mái che						
	Vị trí 1	đồng/m2/tháng	7.000	5.000	7.000		
	Vị trí 2	đồng/m2/tháng	5.000		5.000		
	Vị trí 3	đồng/m2/tháng					
3	Khu vực không có mái che						
a	Các hộ kinh doanh cố định	đồng/m2/tháng					
b	Các hộ kinh doanh không cố định						
	- Hàng có giá trị dưới 100.000đồng	đồng/ lượt	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
	- Hàng có giá trị từ 100.000đồng đến dưới 300.000đồng	đồng/ lượt	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
	- Hàng có giá trị từ 300.000đồng đến dưới 500.000đồng	đồng/ lượt	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
	- Hàng có giá trị trên 500.000đồng	đồng/ lượt	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000